

Biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay : Luận văn ThS. Giáo dục học: 60 14 05 / Nguyễn Thị Thường ; Nghd. : GS.TS. Nguyễn Đức Chính

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục thường xuyên (GDTX) hay còn gọi là giáo dục không chính quy (KCQ), học tập suốt đời là phương thức giáo dục xuất hiện nhiều ở khắp các quốc gia trên thế giới đặc biệt là nước phát triển. Ở nước ta, hình thức giáo dục giáo dục này có từ lâu. Theo số lượng thống kê của Bộ giáo dục và đào tạo, qui mô giáo dục KCQ chiếm khoảng 50% trong hệ đào ở bậc Đại học, Cao đẳng theo 3 hình thức: Tại chức (vừa học vừa làm), từ xa và chuyên tu (Hoàn chỉnh kiến thức, liên thông). Trong những năm qua, Đào tạo không chính quy đặc biệt là hình thức liên kết đào tạo đã góp phần vào việc đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân nguồn nhân lực. Tuy nhiên, với tốc độ gia tăng qui mô trong khi điều kiện đáp ứng của các cơ sở đào tạo không tương thích, người học với mục đích hoàn thiện bằng cấp, việc quản lý ở một số cơ sở đào tạo còn lúng túng... khiến chất lượng đào tạo còn có những bất cập gây dư luận không tốt đối với hình thức giáo dục này, khoảng cách chất lượng giữa hệ chính quy và không chính quy bị “*Phân biệt đối xử*”.

Xây dựng “*xã hội học tập*” là chủ trương lớn của đảng và nhà nước ta trong xã hội hiện đại. Trong “*xã hội học tập*” đó, giáo dục thường xuyên như là một hiện diện tất yếu và có sức sống mạnh mẽ, GDTX đã tự khẳng định vị trí, vai trò của mình trong hệ thống giáo dục quốc dân. Luật giáo dục được nước cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ 1/1/2006 đã khẳng định: “*Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên*”. “*Giáo dục thường xuyên giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội*”

Giáo dục thường xuyên được đưa vào luật giáo dục là sự khẳng định về mặt pháp lý Quốc gia, sự tồn tại và phát triển của các Trung tâm GDTX. Luật giáo dục sửa đổi năm 2005 vừa mở rộng lực lượng tham gia, vừa đặt ra những yêu cầu cao hơn về chất lượng. Vấn đề liên kết đào tạo tại địa phương được quan tâm hơn.

Đảm bảo chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo hệ Đại học theo hình thức liên kết phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Đối tượng tham gia học tập, chất lượng giờ giảng, việc tổ chức và quản lý lớp học, điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Hiện nay, khó khăn lớn nhất đối với các cơ sở liên kết đào tạo là đối tượng tham gia học tập (học viên) khác nhau về độ tuổi, về khả năng tư duy và vận dụng thực tiễn, về ý trí, động cơ, mục đích học tập... Để nâng cao chất lượng Dạy học cần có biện pháp quản lý. Phát biểu tại hội nghị tổng kết về giáo dục không chính quy năm 2007, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ GD&ĐT **Nguyễn Thiện Nhân** cho rằng: “*Kiểu đào tạo tốc hành ở hệ không chính qui khó có thể đạt được chất lượng như mong muốn*”..., “*phải thay đổi nhận thức của nhiều người coi chất lượng đào tạo không chính quy đương nhiên thấp hơn chính quy, từ đó không có*

sự đầu tư tương thích và có động cơ phấn đấu cho chất lượng” (Báo GD&Thời đại số ra ngày 23/02/2008). Để khắc phục bất cập về chất lượng, Bộ giáo dục và đào tạo yêu cầu thời gian tới phải tăng cường quản lý chặt chẽ, chuẩn bị các điều kiện tương xứng với quy mô đào tạo, quy trình đào tạo mềm dẻo... Với những vấn đề nóng bỏng đó, vai trò của các Trung tâm GDTX cấp Tỉnh, đơn vị có chức năng và nhiệm vụ hỗ trợ, liên kết đào tạo cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải trầm trồ. Việc tìm ra các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học là một vấn đề cấp thiết đối với các cơ sở liên kết đào tạo hiện nay. Mười năm xây dựng và trưởng thành, với chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc đã duy trì ổn định quy mô đào tạo, song chất lượng Dạy học chưa được nâng cao. Là người quản lý tại cơ sở liên kết đào tạo tại địa phương (Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc), tôi càng nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn mới, bởi vậy việc tìm ra các biện pháp nâng cao chất lượng Dạy học hệ Đại học theo hình thức hỗ trợ liên kết là rất cần thiết.

Với những lý do đó, tác giả chọn đề tài nghiên cứu: “Biện pháp quản lý nâng cao chất lượng Dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất biện pháp quản lý nâng cao chất lượng Dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quy trình đào tạo hệ Đại học nói chung và đào tạo hệ Đại học theo hình thức liên kết nói riêng.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích đề ra trong đề cương, đề tài nghiên cứu dự kiến triển khai 3 nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của quản lý quá trình dạy học hệ Đại học theo hình thức liên kết và chất lượng dạy học của các lớp này.

- Đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân thực trạng của công tác quản lý hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đề xuất các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc, khảo nghiệm các biện pháp quản lý nhằm khẳng định tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

5. Giả thuyết khoa học

Hiện nay chất lượng đào tạo các lớp hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc đã đảm bảo nhưng chưa cao, nguyên nhân chủ yếu là do công tác quản lý. Đề xuất được các biện pháp quản lý thì sẽ nâng cao được chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc, đáp ứng được yêu cầu đổi mới của sự nghiệp giáo dục hiện nay

6. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

6.1. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ dừng lại ở việc đề xuất một số biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay, khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp.

6.2. Giới hạn nghiên cứu: Giới hạn đề tài tập trung nghiên cứu trong thời gian 5 năm (Từ năm 2003 đến nay).

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

7.1. Ý nghĩa khoa học: Đề tài góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về công tác quản lý hệ Đại học theo hình thức liên kết.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn: Nghiên cứu đề tài sẽ là một cơ hội để tìm hiểu, đánh giá và đề xuất biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc nơi mà tác giả đang trực tiếp làm công tác quản lý. Đề tài này nếu được thông qua và chấp thuận sẽ có ý nghĩa thiết thực cho hoạt động quản lý của Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc theo tinh thần khoa học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay.

8. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, tôi sử dụng nhóm phương pháp nghiên cứu sau:

8.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp những tư liệu, các tài liệu, các báo cáo khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Nghiên cứu luật giáo dục, các chỉ thị, nghị quyết, văn kiện của Đảng, Nhà nước, Các quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX của Bộ Giáo dục và đào tạo, các văn bản hướng dẫn về phương thức hoạt động không chính quy trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc của UBND Tỉnh, các báo cáo và các văn bản khác có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

8.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Khảo sát điều tra.
- Trưng cầu ý kiến (Phòng Đào tạo và giảng viên các trường ĐH liên kết, cán bộ quản lý, giáo viên Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc; Chuyên viên phòng GDTX – GDCN; Cán bộ quản lý các trường học, các đơn vị có học viên học; Học viên các khối, ngành đào tạo)
- Thống kê, xử lý số liệu.
- Tổng kết kinh nghiệm.
- Phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia.

9. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn dự kiến được trình bày theo 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng hoạt động dạy học và công tác quản lý quá trình dạy học hệ Đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc

Chương 3: Biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Vài nét về lịch sử của vấn đề đào tạo liên kết

Như chúng ta đã biết: Luật giáo dục được quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006 đã khẳng định: “Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên”.

Ra đời ngay sau khi nước nhà giành độc lập, trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, GDTX mang trong mình một hành trang đầy giá trị, rất phong phú, đa dạng và tiến bước theo lộ trình xây dựng đất nước. Khởi đầu là phong trào bình dân học vụ để xoá nạn mù chữ cho hơn 90% dân số khỏi vòng ngu dốt của chế độ thực dân phong kiến để lại, rồi đến xây dựng hệ thống trường bổ túc văn hoá các cấp, trường vừa học vừa làm, bổ túc công nông, đến phổ cập giáo dục tiểu học cho các Xã, Huyện, Tỉnh, tiến đến phổ cập giáo dục THCS và tiến tới phổ cập giáo dục THPT. Một bước tiến quan trọng mà cũng là khởi nguồn cho GDTX được đưa vào luật giáo dục là việc hình thành hệ thống Trung tâm GDTX từ Huyện, Thị lên Tỉnh, Thành được tổ chức và hoạt động theo quy chế ban hành từ quyết định số 2461/QĐ-BGD ngày 07/11/1992 đến quyết định số 43/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/9/2000 và này là quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT. Từ đây, các hình thức thực hiện của GDTX thực sự đa dạng, phong phú, linh hoạt, phù hợp và đáp ứng cho phát triển nguồn nhân lực tại địa phương ở các lĩnh vực: Kinh tế, văn hoá, xã hội..., phục vụ đắc lực cho việc phát triển KT-XH, cho sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (năm 1960) đề ra chủ trương “vừa đào tạo tập trung, vừa đào tạo tại chức”.

Thuật ngữ “Đại học tại chức” được sử dụng với nghĩa là học không tập trung toàn thời gian, vừa làm vừa học, có các văn bằng Đại học với từ ghi Hệ đào tạo: Tại chức.

Năm 1975 đất nước được thống nhất. Đại hội IV (năm 1975) của Đảng đã chỉ rõ: “Phải tích cực xây dựng hệ thống đào tạo bồi dưỡng tại chức với nhiều hình thức học tập đảm bảo cho mọi người lao động có thể suốt đời tham gia học tập, trau dồi nghề nghiệp mở rộng kiến thức”.

Nghị quyết 73 năm 1983 của Hội đồng Bộ trưởng đã cho phép thành lập Trung tâm GDTX Tỉnh, Trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức Tỉnh trên cơ sở các tổ chức đa dạng ở địa phương đã hình thành từ trước. Đây là một mô hình cơ sở giáo dục mới dựa trên sự liên kết của các trường Đại học với các Tỉnh, thường là một Trung tâm GDTX Tỉnh liên kết với nhiều trường Đại học. Đây là một sáng kiến rất quan trọng, tạo một bước tiến cao trong công tác đào tạo đại học tại chức tại địa phương (các Tỉnh). Sự liên kết này đã tạo điều kiện cho người học, đồng thời nâng cao vai trò của các Trung tâm GDTX cấp Tỉnh trong đào tạo liên kết ở các bậc học, cấp học, hình thức học khác nhau.

Tháng 12/1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Đối với lĩnh vực GD-ĐT, Nghị quyết đã nêu: “Phải bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức đào tạo và bồi dưỡng: Chính quy và không chính quy, tập trung và bán tập trung...”

Cơ chế quản lý thay đổi, ngành GD-ĐT thực hiện chủ trương đa dạng hoá các loại hình trường lớp nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Bước chuyển đổi quan trọng của các Trung tâm GDTX cấp Tỉnh giai đoạn này là:

Chuyển từ quan hệ hợp tác, giúp đỡ các trường Đại học, Cao đẳng trước đây sang quan hệ liên kết đào tạo, thông qua các hợp đồng có tính đến chi phí. Quá trình chuyển đổi sang quan hệ liên kết đào tạo vừa thể hiện sự bình đẳng, vừa thể hiện sự gắn kết nghĩa vụ, trách nhiệm giữa địa phương, với đơn vị liên kết (giữa trung tâm GDTX cấp Tỉnh với các Trường Đại học Trung ương và khu vực).

Ngoài việc liên kết đào tạo Đại học Tại chức, từ những năm 1988-1991 đã thí điểm đào tạo Đại học không chính quy với những hình thức mới đi đôi với những tên gọi mới như: Đại học mở rộng, tự học có hướng dẫn, đào tạo từ xa... (thành lập viện Đại học mở). Đến nay hình thức đào tạo từ xa đã phát triển rất nhanh.

Trong khoa học đã có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực GDTX: “ Hệ thống giáo dục quốc dân hướng tới xây dựng một xã hội học tập ở nước ta” của Tác giả Vũ Ngọc Hải; “Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo các lớp liên kết nhìn từ góc độ công tác tuyển sinh và quản lý học viên” của Tác giả Trần Mạnh Hùng; “Đào tạo không chính quy – giải pháp nâng cao chất lượng dạy học” của Tác giả Trần Thị Thanh Bình; “Những biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo các lớp liên kết” của Tác giả Nguyễn Kim Sơn.... Trong những năm gần đây có khá nhiều luận văn Thạc sỹ QLGD đã đề cập đến đào tạo KCQ và biện pháp quản lý nâng cao chất lượng đào tạo.

Như vậy, vấn đề đào tạo liên kết đã được các nhà sư phạm nghiên cứu rất sâu, qua đó có thể nhận thấy rằng việc tổ chức quản lý đào tạo liên kết ngày càng giữ vai trò quan trọng. Việc xác lập các biện pháp hữu hiệu để tổ chức và quản lý có hiệu quả phương thức đào tạo liên kết là hết sức cần thiết.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Khái niệm về quản lý

1.2.1.1. Quản lý:

Quản lý luôn tồn tại với tư cách là một hệ thống gồm các yếu tố:

Chủ thể quản lý (người quản lý, tổ chức quản lý).

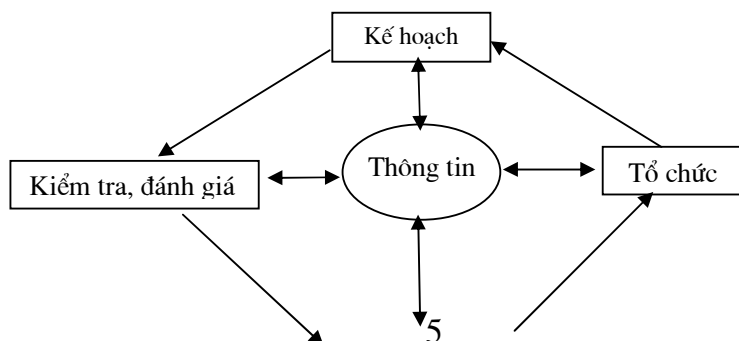
Đối tượng quản lý - khách thể QL: Con người, trang thiết bị kỹ thuật, vật nuôi cây trồng.

Bản chất của hoạt động quản lý là cách thức tác động (tổ chức, điều khiển, chỉ huy) hợp quy luật của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành đạt hiệu quả mong muốn và đạt mục tiêu đề ra.

1.2.1.2. Chức năng quản lý:

Với những quan điểm và thể hiện dưới dạng khác nhau về phân chia các chức năng quản lý, song hoạt động quản lý có thể phân chia theo 4 chức năng cơ bản sau: Kế hoạch hoá; Tổ chức; Chỉ đạo; Kiểm tra.

Sơ đồ 1.1: Mối quan hệ giữa các chức năng quản lý:



1.2.1.3. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục là quá trình vận dụng những nguyên lý, phương pháp, khái niệm... của khoa học quản lý vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể, một ngành chuyên biệt, đó là ngành giáo dục.

Hệ thống quản lý giáo dục bao gồm các thành tố:

Chủ thể QLGD: Bao gồm hệ thống quản lý các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Đối tượng QLGD/ Khách thể QLGD, đó là điều kiện CSVC, nguồn lực cho giáo dục (Vật lực); Quá trình QLGD (Việc); Con người tham gia hoạt động giáo dục (Người).

1.2.1.4. Quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường thực chất là QLGD trên tất cả các mặt, các khía cạnh liên quan đến hoạt động giáo dục trong phạm vi nhà trường.

1.2.2. Khái niệm về giáo dục thường xuyên

1.2.2.1. Giáo dục thường xuyên: Giáo dục không chính quy.

* Giáo dục thường xuyên (Continuing Education) UNESCO dùng thuật ngữ “Continuing Education” để chỉ sự giáo dục tiếp tục sau giáo dục trẻ em hoặc sau giáo dục cơ bản. Theo quan niệm này “Continuing Education” là một khái niệm rộng, bao gồm cả GDCQ, GDKCQ và GDPCQ.

* Giáo dục không chính quy

GDKCQ vừa là phương thức vừa là hệ thống. GDKCQ thường được hiểu là hệ thống giáo dục mở, có cấu trúc đa dạng, linh hoạt, mềm dẻo, theo cấp lớp và không theo cấp lớp, nhằm cung cấp các cơ hội học tập khác nhau cho mọi người có nhu cầu trong mọi lúc, mọi nơi. GDKCQ thực hiện mục đích chung là nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực. Học viên theo học các cấp học, các ngành học không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp hoặc chức danh, chức vụ trong xã hội miễn là họ có nhu cầu và điều kiện tham gia học tập. Chương trình học của GDKCQ hết sức mềm dẻo, linh hoạt: Học ban ngày, học buổi tối... GDKCQ có thể tổ chức học tập tại các cơ sở GDCQ hoặc tại các tỉnh (Hình thức liên kết đào tạo).

Ở Việt Nam, GDKCQ được hiểu là GDTX. Luật giáo dục năm 1998 coi “*Giáo dục không chính quy là một phương thức giáo dục giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội*”

Luật giáo dục 2005 coi GDTX vừa là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân, vừa là một phương thức giáo dục tồn tại song song với GDCQ. Điều khẳng định này phù hợp với xu hướng chung của hệ thống giáo dục tiên tiến trên thế giới mà GDTX đã và đang phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người trong xã hội, đảm bảo cho người học có thể vừa làm, vừa học, học liên tục, học suốt đời.

1.2.2.2. Trung tâm giáo dục thường xuyên(Continuing Education Centre)

Trung tâm GDTX là cơ sở giáo dục KCQ giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm và thích nghi với đời sống xã hội

Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007 (Thay thế quyết định 43/2000) của Bộ Trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX đã cụ thể rõ: *“Trung tâm GDTX là cơ sở giáo dục thường xuyên của hệ thống giáo dục quốc dân. Trung tâm GDTX bao gồm Trung tâm GDTX quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh (Sau đây gọi chung là Trung tâm GDTX cấp Huyện), Trung tâm GDTX Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sau đây gọi chung là Trung tâm GDTX cấp Tỉnh)”*.

Hệ thống Trung tâm GDTX ở nước ta hiện nay gồm 2 cấp, Trung tâm GDTX Tỉnh (Thành phố trực thuộc Trung ương) và Trung tâm GDTX Quận (huyện). Mỗi quan hệ giữa trung tâm và GDTX Tỉnh và Trung tâm GDTX Huyện là quan hệ độc lập, hợp tác bình đẳng, vừa thực hiện nhiệm vụ chung của GDTX, vừa thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ GD-ĐT, vừa tạo điều kiện giúp đỡ nhau trên địa bàn của Huyện và Tỉnh.

Như vậy, Trung tâm GDTX là đơn vị sự nghiệp giáo dục, là cơ sở giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trung tâm GDTX hoạt động theo quy chế ban hành của Bộ GD-ĐT và các quy định về quản lý phương thức giáo dục không chính quy.

1.2.3. Khái niệm về dạy học và chất lượng quá trình dạy học

1.2.3.1. Dạy học- Quản lý quá trình dạy học.

*** Dạy học**

Từ các vấn đề nêu trên ta có thể đưa ra định nghĩa khái quát như sau: *“Dạy học là quá trình tương tác, cộng tác giữa thầy và trò. Hai hoạt động này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tồn tại song song và phát triển trong cùng một quá trình thống nhất”*.

*** Quản lý quá trình dạy học**

Quản lý hoạt động dạy học là quản lý việc chấp hành những quy định, quy chế về hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học viên nhằm đảm bảo cho các hoạt động đó được thực hiện một cách nghiêm túc, tự giác, có chất lượng, hiệu quả

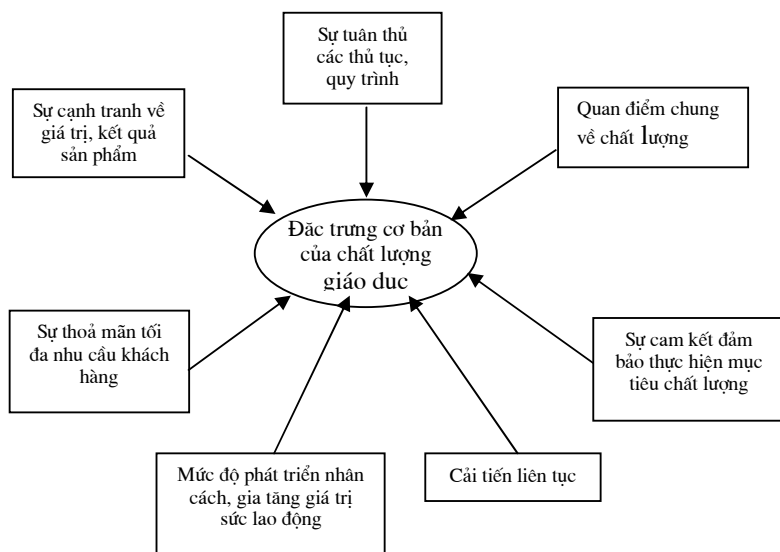
1.2.3.2. Chất lượng quá trình dạy học:

Trong giáo dục, chất lượng không cùng nghĩa với sự hoàn hảo, chất lượng phải phù hợp với yêu cầu về thời gian, không gian và điều kiện sử dụng.

Theo định nghĩa của TCVN ISO 1994 đã trình bày ở phần trên *“Chất lượng là tập hợp các đặc tính của một đối tượng, tạo cho đối tượng đó có khả năng thoả mãn nhu cầu đã nêu ra hoặc tiềm ẩn”*. Theo định nghĩa này, mỗi loại sản phẩm sẽ có những đặc tính riêng tạo nên chất lượng của sản phẩm đó. Về chất lượng sản phẩm

“Giáo dục”, theo GS.TS Nguyễn Đức Chính có thể được bao gồm các đặc trưng cơ bản và được cụ thể hoá theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Đặc trưng cơ bản của chất lượng giáo dục



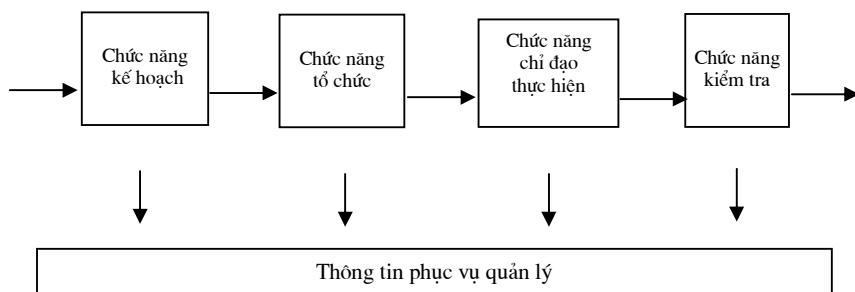
Theo cách hiểu này, sản phẩm của giáo dục chỉ có chất lượng khi toàn bộ tổ chức của cơ sở đào tạo có chất lượng.

*** *Chất lượng quá trình dạy học:***

Đánh giá chất lượng quá trình dạy học là một công việc hết sức khó khăn và phức tạp bởi lẽ ta phải xem xét quá trình từ: Đầu vào (Nguồn nhân lực, vật lực, tài lực...) đến quá trình giảng dạy - Học tập và đầu ra (Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, sự đáp ứng của sinh viên đối với thị trường lao động).

Mỗi cơ sở giáo dục là một tiểu hệ thống cũng bao gồm: Đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh xã hội nơi cơ sở đó hoạt động. Có thể được biểu diễn bằng sơ đồ sau:

Mô hình CIPO



(Chu trình quản lý)

Theo sơ đồ này, chất lượng của cơ sở giáo dục là chất lượng của các yếu tố cấu thành nên cơ sở đó. Muốn đánh giá chất lượng dạy học cần đánh giá chất lượng của 3 thành tố cơ bản này trong mối tương quan với bối cảnh thực.

Theo GS.TS Nguyễn Đức Chính khi nghiên cứu kiểm định chất lượng trong giáo dục Đại học cho rằng: “Để xác định chất lượng và phê duyệt một khoá học chỉ cần xem xét chất lượng của công tác thiết kế khoá học đó như: Chương trình khung, chương trình chi tiết, các giáo trình cơ bản với các điều kiện khác như: cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo cho khoá học thành công. Còn để đánh giá chất lượng của việc thực hiện khoá học, chất lượng của đầu ra dựa trên mục tiêu chi tiết của khoá học”.

Như vậy, chất lượng quá trình dạy học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, giải pháp để nâng cao chất lượng là bài toán đặt ra cho ngành giáo dục trong đó thực hiện kiểm định chất lượng là một trong những giải pháp quan trọng và kích thích hiệu quả.

1.3. Giáo dục Đại học và các phương thức đào tạo bậc Đại học

1.3.1. Đào tạo theo phương thức chính quy tập trung

Đào tạo theo phương thức chính quy tập trung là phương thức đào tạo giành cho đối tượng đi học đúng độ tuổi, tập trung toàn thời gian. Chương trình đào tạo là pháp lệnh của Nhà nước theo một thiết chế chặt chẽ.

1.3.2. Đào tạo theo phương thức liên kết - Đặc thù của phương thức đào tạo liên kết.

* Đào tạo theo phương thức liên kết: Là phương thức đào tạo lấy bằng tốt nghiệp Đại học Cao đẳng. Các trường Đại học phối hợp với các đơn vị liên kết đào tạo ở các địa phương.

* Đặc thù của phương thức đào tạo liên kết:

- Không tập trung toàn thời gian, vừa làm vừa học (Học viên học theo hình thức bán tập trung).

- Phương thức đào tạo mềm dẻo, linh hoạt, đối tượng tham gia học tập đa dạng về độ tuổi và trình độ. Các môn học thường được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu để tiện lợi cho việc bố trí giáo viên các trường Đại học lên giảng dạy.

- Lớp học được bố trí ở các Tỉnh, bố trí giảng viên các trường ĐH lên giảng dạy theo hợp đồng thỏa thuận giữa 2 đối tác (việc đưa, đón giảng viên hoặc giảng viên tự túc phương tiện đều thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận).

- Kinh phí đào tạo người học tự đóng góp. Văn bằng ghi rõ hệ Đào tạo tại chức, Từ xa.

1.3.3. Vai trò của Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh

- Tổ chức và quản lý quá trình dạy học theo hợp đồng đã thỏa thuận, đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực của Tỉnh, phù hợp với điều kiện KT-XH của Tỉnh trong thời kỳ CNH-HĐH.

- Là cầu nối giữa Trung tâm GDTX Tỉnh với trường ĐH và giữa Trung tâm GDTX Tỉnh với đơn vị chủ quan học viên.

- Tham mưu, đề xuất phương thức đào tạo phù hợp với điều kiện của đối tượng vừa làm, vừa học.

- Chủ động nắm bắt nhu cầu đào tạo, tham mưu với Tỉnh đào tạo các lớp, các ngành học phục vụ cho mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương và các ngành học đáp ứng nhu cầu học tập rộng rãi của XH.

- Tham gia quản lý quá trình đào tạo, phối hợp với trường Đại học trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo: Tuyển sinh, thống nhất kế hoạch đào tạo, chất lượng đào tạo, tổ chức thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp.

1.3.4. Vai trò của các trường đại học

- Quản lý toàn diện đối với khoá học trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với Trung tâm GDTX trong việc tổ chức quá trình đào tạo khoá học.

- Xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo cho toàn khóa học.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ quá trình đào tạo theo đúng quy chế đào tạo Đại học hệ không chính quy của Bộ GD-ĐT gồm các khâu: Tuyển sinh, XD chương trình, kế hoạch đào tạo, tổ chức giảng dạy, cử cán bộ giảng dạy, chất lượng đào tạo, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

1.4. Những yêu cầu về chất lượng của phương thức đào tạo liên kết trong giai đoạn mới

Yêu cầu về chất lượng của phương thức đào tạo liên kết trong giai đoạn mới cần phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản như sau:

1.4.1. Đáp ứng được nhu cầu hiện tại và tương lai của địa phương về nguồn nhân lực được đào tạo Đại học

Do đặc thù của đào tạo liên kết, đối tượng tham gia học tập phần lớn là cán bộ, công chức và người lao động trong các thành phần kinh tế của tỉnh, bao gồm các khối: Giáo dục, Kinh tế, Xã hội, Kỹ thuật. Đi đối với việc mở rộng qui mô đào tạo các ngành nghề, mục tiêu đào tạo không chỉ để giải quyết các vấn đề về trình độ, bằng cấp... mà quan trọng hơn là phải đáp ứng với yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo để phù hợp với điều kiện phát triển KT- XH của Tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn mới.

1.4.2. Thủ tục quy trình quản lý lớp đào tạo liên kết

Cũng như các lớp đào tạo Đại học hệ chính quy, đào tạo liên kết cũng phải tuân theo các thủ tục quy trình sau:

**** Tuyển sinh.***

- Yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình tuyển sinh là phải đảm bảo đúng quy trình, đúng đối tượng, khách quan, công bằng và theo đúng quy chế tuyển sinh hệ vừa làm vừa học do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

**** Quản lý***

Trong điều kiện liên kết đào tạo, chất lượng đào tạo phần lớn phụ thuộc vào các trường Đại học liên kết nhưng vai trò quản lý của Trung tâm là vô cùng quan trọng. Để làm tốt công tác này Trung tâm đã vận dụng các quy chế sau: “ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX” ban hành kèm theo quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo (Thay thế quyết định 43/2000/QĐ BGDĐT); quy chế “ Đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức vừa làm vừa học” Ban hành kèm theo quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT” ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo; Quyết định số 239/2001/QĐ-UB ngày 07/12/2001 của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc V/v: Ban hành quy định về quản lý phương thức giáo dục không chính quy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình quản lý bao gồm các khâu:

- Quản lý các lớp đào tạo liên kết về mặt hành chính.
- Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo từng học kỳ, từng năm học và cả khoá học của từng lớp theo đúng hợp đồng đã ký với các trường Đại học mà Trung tâm liên kết.

- Quản lý tiến độ thực hiện chương trình đào tạo, chương trình thực hành thí nghiệm, thực tế, tiến độ điểm để đánh giá kết quả học tập của học viên.

1.4.3. Đảm bảo các điều kiện vật chất kỹ thuật

Chất lượng dạy học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cũng là một trong các yếu tố quan trọng. Để nâng cao chất lượng đào tạo thì việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất và điều kiện kỹ thuật hiện đại là vô cùng cần thiết, đó là: Phòng học, ánh sáng, âm thanh, thư viện, phòng thực hành thực nghiệm, phòng máy vi tính, phòng LAB, Phòng học trực tuyến... và các điều kiện cơ sở vật chất khác.

1.4.4. Cải tiến liên tục

Đây là một khâu vô cùng quan trọng trong công tác quản lý đào tạo liên kết hệ đại học. Thực hiện tốt công tác này nó giúp cho người quản lý nắm được các thông tin phản hồi từ phía người học để điều chỉnh cách tổ chức đào tạo sao cho hợp lý, phù

hợp với đối tượng vừa làm vừa học, linh hoạt, mềm dẻo... góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

- Giáo dục giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Chất lượng giáo dục đã và đang là vấn đề được cả xã hội quan tâm.
- GDTX đặc biệt là phương thức đào tạo liên kết cần đặt ra lộ trình chất lượng.
- Việc đề xuất các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng và vấn đề cần thiết.

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC HỆ ĐẠI HỌC TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Tình hình kinh tế xã hội và giáo dục đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Vĩnh phúc là Tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông hồng, vùng Thủ đô.

Tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập từ năm 1950, trên cơ sở sáp nhập 2 tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên, năm 1968 sáp nhập với tỉnh Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phúc, từ ngày 01 tháng 01 năm 1997 tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, từ ngày 01 tháng 8 năm 2008, Huyện Mê Linh được tỉnh Vĩnh Phúc chuyển toàn bộ về thành phố Hà Nội.

Hiện nay tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích tự nhiên 1.231km², dân số 1,02 triệu người. Tỉnh có 8 đơn vị hành chính: 1 Thành phố, 1 Thị xã và 6 huyện; 137 xã, Phường, Thị trấn (trong đó có 39 xã Miền núi).

Thực trạng tình hình KT – XH của tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang tác động mạnh mẽ vào sự nghiệp GD - ĐT của Tỉnh Vĩnh Phúc nói chung và việc đào tạo Đại học theo phương thức liên kết tại trung tâm GDTX nói riêng.

2.1.2. Tình hình giáo dục - Đào tạo

Bước vào thế kỷ XXI, giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc cùng chung với nền giáo dục cả nước đã trải qua 20 năm đổi mới và đã thu hút được nhiều kết quả tích cực.

Hệ thống mạng lưới trường lớp được củng cố, ổn định với đầy đủ các cấp học và trình độ đào tạo từ Mầm non đến Cao đẳng.

Chất lượng học sinh giỏi các cấp của Tỉnh tăng nhanh rõ rệt, số học sinh giỏi quốc gia ổn định ở mức cao so với các Tỉnh. Năm 2008 là năm thứ 9 liên tiếp tỉnh Vĩnh Phúc có học sinh trong đội tuyển quốc gia tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

Giáo dục chính quy của Vĩnh Phúc đã có bước phát triển vững chắc. Giáo dục thường xuyên cũng được quan tâm và phát triển, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục thường xuyên đã và đang góp phần xây dựng Vĩnh Phúc thành một xã hội học tập. đào tạo liên kết phát triển mạnh và đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương

2.2. Vài nét khái quát về Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Tiến trình phát triển, chức năng và nhiệm vụ

Thành lập ngày 17/8/1998 theo Quyết định 2108/QĐUB của chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc, trực thuộc Sở GD&ĐT. Tại quyết định thành lập trung tâm, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc đã quy định rõ Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện chức năng và các nhiệm vụ sau.

* Chức năng: Tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo cơ hội học tập nhằm thoả mãn nhu cầu học tập đa dạng, phong phú của mọi người (trong đó có những người không có điều kiện tiếp tục học ở các trường lớp chính quy), góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ các mục tiêu KT – XH của địa phương.

* Nhiệm vụ:

- Điều tra, nghiên cứu tình hình để cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền về nhu cầu học tập thường xuyên ở địa phương và đề xuất các phương án đáp ứng nhu cầu đó.

- Liên kết các trường Đại học, Cao đẳng để tổ chức đào tạo theo hình thức không chính quy cho các đối tượng đạt các trình độ Đại học, Cao đẳng.

- Tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức cho cán bộ công nhân viên ở địa phương.

- Tổ chức dạy nghề và bổ túc nâng cao nghề nghiệp.

- Tổ chức dạy Tin học, Ngoại ngữ theo yêu cầu người học.

- Tổ chức dạy bổ túc văn hoá THPT

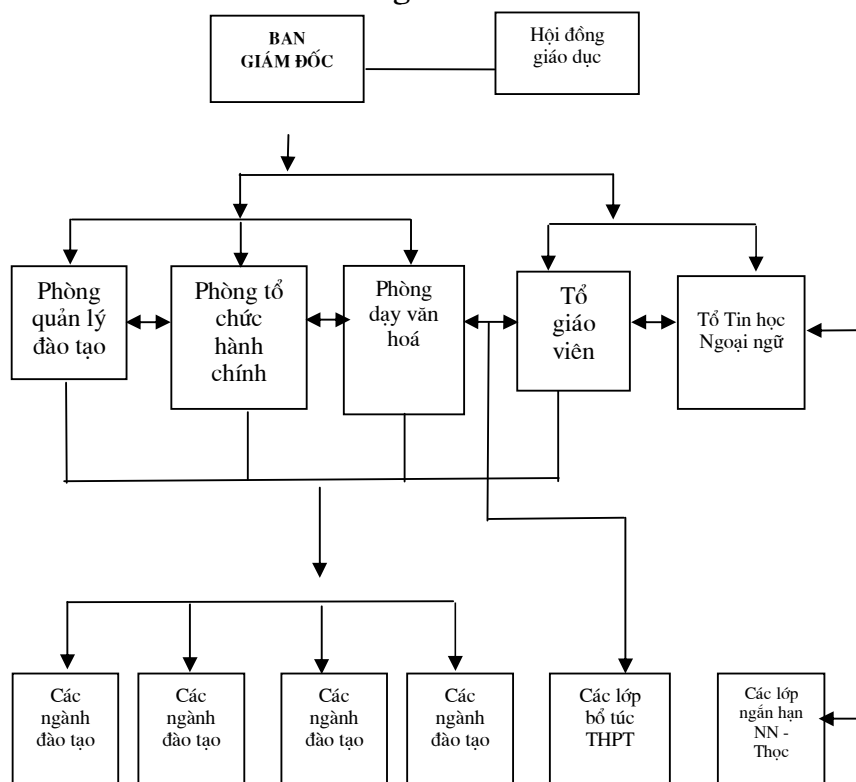
- Tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên của hệ thống GDTX ở địa phương.

- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao dân trí (kiến thức về văn hoá môi trường, dân số, tin học, pháp luật)

2.2.2. Cơ cấu tổ chức

Trung tâm tổ chức bộ máy theo qui chế hoạt động của Trung tâm GDTX do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo quyết định 01/2007/QĐ-Bộ GD&ĐT (Trước kia là quyết định 43/2000/QĐ-Bộ GD&ĐT).

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức Trung tâm GDTX Tỉnh Vĩnh Phúc



2.3. Thực trạng hoạt động dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Thực trạng hoạt động dạy học

Thực trạng dạy học hệ Đại học đào tạo liên kết tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện nghiêm túc theo đúng hợp đồng mà lãnh đạo 2 đơn vị đã ký. Các học phần, các môn học hầu hết được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, đây là giải pháp có nhiều ưu điểm và phổ biến đối với các lớp học ở địa phương (Một học phần có 3 học trình, bố trí giáo viên phụ trách chỉ 3 - 4 ngày là giảng dạy xong). Việc bố trí học theo hình thức cuốn chiếu là điều kiện thuận lợi cho các trường Đại học trong việc bố trí giáo viên gọn nhẹ theo đợt để giảm thời gian và chi phí cho việc đi lại, song đó lại là yếu tố cản trở trong việc nâng cao chất lượng, bởi người học không có đủ thời gian để tiếp thu, thảo luận, biến kiến thức thành của mình.

Việc giảng dạy và học tập đều đảm bảo số tiết theo phiếu báo giảng và số tiết đào tạo của từng học phần, môn học. Các giờ thực hành, thí nghiệm Trung tâm cùng các trường Đại học phối hợp tổ chức tốt theo hai hình thức: Đưa học viên về các trường Đại học để thực hành và chuyển một phần thiết bị phòng thí nghiệm của Trường Đại học lên Trung tâm trong một thời gian ngắn.

2.3.2. Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy và học tập.

Tương đối đảm bảo cho một cơ sở đào tạo. Các phòng thực hành đều được trang bị bằng ác phương tiện kỹ thuật hiện đại

2.3.3. Thực trạng về kiểm tra, đánh giá.

Đảm bảo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT song nhiều trường chưa tách khâu dạy và khâu thi nên chưa đảm bảo được khách quan, công bằng. Chưa có sự sàng lọc, việc đánh giá chất lượng của các khối, ngành đào tạo chưa có sự đều tay đặc biệt là vấn đề tự học, tự nghiên cứu cho đối tượng này còn là một vấn đề đáng quan tâm.

* Phân tích kết quả khảo sát.

Mỗi hoạt động được đánh giá trên hai mặt: Tính thường xuyên và tầm quan trọng.

- Tính thường xuyên được đánh giá theo các mức: Thường xuyên; đôi khi; không bao giờ.

- Tầm quan trọng được đánh giá theo 4 mức: Rất quan trọng, quan trọng, bình thường và không quan trọng.

2.4. Thực trạng quản lý quá trình dạy học hệ Đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc

Từ thực tiễn những năm qua, Tác giả tập trung tìm hiểu thực trạng quản lý quá trình dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý. Tìm hiểu thực trạng quản lý quá trình dạy học hệ Đại học đào tạo liên kết, tác giả tập trung nghiên cứu trên các lĩnh vực sau:

2.4.1. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của địa phương

Vĩnh Phúc sau ngày tái lập Tỉnh, đội ngũ CB-CC vừa thiếu về số lượng, lại không đồng bộ về chất lượng, Tỉnh uỷ đã có nhiều nghị quyết về quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB-CC, Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc ra đời đã đáp ứng được yêu

cầu đó. Thực trạng công tác đào tạo hệ Đại học với việc mở rộng quy mô đào tạo Các ngành nghề, mục tiêu đào tạo không chỉ là để giải quyết các vấn đề về trình độ, bằng cấp ... mà quan trọng hơn là đã đáp ứng được yêu cầu về quy hoạch và chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm qua.

2.4.2. Quy trình quản lý hệ Đại học đào tạo liên kết

2.4.2.1. Quản lý công tác tuyển sinh

- Điều tra thăm dò nhu cầu học tập ở các Sở, Ban, ngành, Huyện thị và nhân dân. Trên cơ sở tổng hợp số liệu, Trung tâm tham mưu cho ngành giáo dục và UBND Tỉnh duyệt chỉ tiêu đào tạo hàng năm và có công văn đề nghị các trường Đại học giao chỉ tiêu.

- Tiếp theo, chủ động làm việc với trường Đại học có khả năng đáp ứng ngành nghề mà các địa phương có nhu cầu.

- Phối hợp với Trường Đại học tổ chức ôn tập kiến thức văn hoá thi đầu vào nhằm mục đích tăng chất lượng nguồn tuyển sinh, đồng thời góp phần hệ thống, củng cố kiến thức cơ bản để học viên tiếp thu các môn học đại cương trong chương trình Đại học.

- Kiểm tra bằng đầu vào trước và sau khi học viên đến nhập học (xác minh gốc) nhằm mục đích loại trừ bằng giả trong quá trình tuyển sinh đầu vào.

2.4.2.2. Công tác quản lý quá trình dạy học.

* Quản lý về mặt hành chính.

Đây là một trong các yếu tố quan trọng trong đào tạo liên kết. Nếu việc quản lý lỏng lẻo dẫn đến tình trạng dạy học không đảm bảo chất lượng. Thực tế những năm quan, Trung tâm đã tổ chức thực hiện tốt đảm bảo kỷ cương. Để làm tốt công tác này, Trung tâm đã thống nhất với các Trường Đại học về việc thực hiện giờ giấc của giảng viên, về quy định số tiết giảng /ngày (thực hiện 8 tiết/ngày), về công tác phối hợp để quản lý học viên về mặt chuyên cần, xét điều kiện thi, tổ chức thi hết học phần, hết môn....

* Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo từng học kỳ, năm học và cả khoá học theo đúng hợp đồng đã ký với các trường Đại học một cách chặt chẽ.

* Quản lý quá trình dạy của giáo viên:

Xác định rõ đặc thù của phương thức đào tạo liên kết thì việc quản lý quá trình dạy của thầy là một trong những khâu quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo . Thông qua kế hoạch đào tạo đã thống nhất với các trường Đại học, việc giáo viên các trường Đại học lên giảng dạy chịu sự quản lý của Trung tâm. Để quản lý tốt, Trung tâm căn cứ vào các yếu tố sau.

- Căn cứ vào phiếu báo giảng do các trường ĐH cấp cho giảng viên lên giảng dạy.

- Quy định số tiết giảng/ ngày cho các lớp học (thực hiện 8 tiết/ngày)

- Điều hành giờ học để việc ra vào lớp giữa các lớp cùng thống nhất, không gây ảnh hưởng lẫn nhau, tạo không khí học tập. Trách nhiệm của trung tâm là quản lý chặt chẽ việc thực hiện thời gian và chương trình giảng dạy phản ảnh kịp thời với các trường Đại học liên kết những giảng viên chưa thực sự nghiêm túc.

Việc quản lý của Trung tâm đều căn cứ vào quy chế của Bộ GT-ĐT, của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, các quy định của Trung tâm, nhưng đồng thời vẫn giữ tốt mối quan hệ giữa Trung tâm với giáo viên các trường Đại học lên giảng dạy và giữa thầy với trò.

*Quản lý quá trình học của học viên:

Trong công tác quản lý quá trình học tập của học viên, Trung tâm đặc biệt quan tâm đến các biện pháp sau:

- Quản lý qua hệ thống hồ sơ sổ sách:

Xây dựng hệ thống hồ sơ cho giáo viên quản lý lớp, bao gồm: Sổ ghi đầu bài, sổ điểm, sổ kiểm diện, sổ theo dõi giảng dạy và học tập, lý lịch học viên, kế hoạch chủ nhiệm,... Trung tâm yêu cầu cập nhật và thường xuyên theo dõi.

- Quản lý qua các buổi học, đợt học;

Do đối tượng người học phần lớn là đang làm việc, nếu việc quản lý không chặt chẽ dẫn đến tình trạng nhiều học viên nghỉ tự do. Đặc biệt có trường hợp bố trí người để học thay. Với đối tượng này không ít trường hợp học viên có tư tưởng đối phó nên việc quản lý trực tiếp qua các buổi học, đợt học bằng biện pháp kiểm diện là vô cùng cần thiết, góp phần tạo nên độ chuyên cần của mỗi học viên cao hơn. Những học viên không đảm bảo 80% thời gian học tập trên lớp đều không được dự thi hết môn, phải học lại.

- Đánh giá quá trình học tập gửi về cơ quan chủ quản học viên:

Đây là việc làm cần thiết được áp dụng nhiều năm và thực sự là biện pháp mang lại hiệu quả cao trong quản lý quá trình dạy học. Phần lớn đối tượng theo học họ đều được cơ quan chủ quản cử đi. Kết quả học tập đối với họ là tiêu chí xét thi đua hàng năm.

* Quản lý công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá ở các khâu

Thực trạng về công tác quản lý quá trình kiểm tra, đánh giá cho thấy Trung tâm đã phối hợp với các trường Đại học tổ chức theo đúng quy chế của Bộ GD - ĐT. Công tác tổ chức các buổi thi được thực hiện nghiêm túc từ khâu: Mở đề thi đến khâu coi thi và niêm phong bài thi. Tuy nhiên một thực trạng cho thấy ở một số trường chưa tách được khâu dạy và khâu thi, giáo viên giảng dạy đồng thời là người ra đề, coi thi và chấm thi nên công tác kiểm tra đánh giá phần nào chưa đảm bảo được khách quan. Bên cạnh đó việc đánh giá ở các trường không đồng đều, dẫn đến kết quả của các khối đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo tại địa phương quá chênh lệch.

2.4.2.3 Thực trạng về điều kiện vật chất kỹ thuật

Tương đối đảm bảo: ánh sáng, âm thanh, phương tiện nghe nhìn, phòng thực hành, phòng LAB...đủ để phục vụ và học tập.

2.4.2.4 Cải tiến quy trình

Thực trạng công tác này tại Trung tâm GDTX Tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm qua còn rất yếu. Việc tiến hành theo dõi, ghi chép các khâu trong quá trình quản lý chưa được quan tâm. Hình thức học cần có sự cải tiến thêm song sự triển khai còn chậm.

2.5 Những điểm mạnh và hạn chế trong công tác quản lý hệ đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh phúc

2.5.1. Những điểm mạnh

Với những kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình quản lý, với thực trạng dạy học và quản lý quá trình dạy học trong những năm qua, tác giả đề cập đến một số mặt đã làm được trong công tác quản lý dạy học liên kết tại Trung tâm GDTX Tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Làm tốt công tác dự báo nhu cầu đào tạo, tham mưu cho ngành và UBND Tỉnh trong việc mở các lớp đào tạo hệ ĐH đáp ứng với điều kiện phát triển KT - XH của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường ĐH liên kết trong việc đảm bảo tuyển sinh đúng đối tượng, công bằng, khách quan theo đúng quy chế “Đào tạo ĐH và cao đẳng hình thức vừa học vừa làm” Ban hành theo quyết định số 36/ 2007/ QĐ - BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT.

- Duy trì nề nếp kỷ cương trong quản lý giáo dục dạy học theo đúng “quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX ban hành kèm theo quyết định số 01/2007/QĐ - BGD- ĐT ngày 02/02/2007 của Bộ Trưởng BGD - ĐT; quyết định 239/2001/QĐ - UB ngày 07/12/2001 của chủ Tịch UBND Tỉnh Vĩnh Phúc: Ban hành quy định về quản lý phương thức giáo dục không chính quy trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc”

- Phối hợp với các trường Đại học liên kết tổ chức có hiệu quả các đợt thực hành, thí nghiệm, thực tập sư phạm và thực tế cho học viên.

- Các đợt thi hết môn, hết học phần và thi tốt nghiệp được phối hợp tổ chức theo đúng quy chế của Bộ GD - ĐT.

- Đảm bảo tốt các điều kiện phục vụ quá trình dạy học, thực hiện tốt chủ trương đổi mới trong GD - ĐT và thấy rõ vai trò của cơ sở vật chất kỹ thuật trong việc nâng cao chất lượng dạy học.

- Học viên tốt nghiệp bước đầu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, có nhu cầu đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển KT - XH của địa phương. Lãnh đạo ngành, Tỉnh và các trường ĐH liên kết đánh giá rất cao về công tác quản lý đào tạo.

2.5.2 Hạn chế

- Công tác tuyển sinh: Còn chạy theo số lượng người học, vì mục đích đảm bảo số lượng cho một khoá đào tạo nên quá trình tuyển sinh chưa được sàng lọc nhiều.

- Chưa kiểm soát hết được quá trình dạy học do việc đặt lớp ở nhiều địa điểm khác nhau

- Ở một số trường ĐH liên kết chưa tách khâu dạy và khâu thi nên phần nào đánh giá còn chưa khách quan. Tiến độ điểm của một số trường còn chậm dẫn đến có sự dồn ép trong việc tổ chức thi lại và phần nào ảnh hưởng đến khả năng phấn đấu của người học. Trung tâm chưa có biện pháp thúc đẩy.

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

Do nhận thức của xã hội không đầy đủ về giáo dục không chính quy đặc biệt là đào tạo liên kết.

Những năm vừa qua, cơ sở đào tạo liên kết mới chỉ chú ý đến việc mở rộng quy mô, chạy theo số lượng và nhu cầu của người học mà chưa chú ý đến chất lượng.

Về nguyên nhân chủ quan:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của Trung tâm phần lớn từ môi trường giáo dục phổ thông chuyển về (Khi trung tâm mới thành lập), chưa có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực GDTX nên việc quản lý phần nào còn thiếu kinh nghiệm.

Chưa tổ chức được các cuộc hội thảo lớn như đã dự định (với sự có mặt của các trường ĐH liên kết) để thống nhất biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ đại học đào tạo liên kết

Tiểu kết chương 2

Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và giải quyết để nâng cao chất lượng dạy học đó là:

* Nhằm giải quyết những mâu thuẫn cơ bản đang tồn tại ở Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trong đó quản lý để nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học là vấn đề quan trọng nhất.

- Tăng cường đổi mới công tác quản lý ở tất cả các khâu.
- Phối hợp chặt chẽ với giảng viên các Trường Đại học và đơn vị chủ quản học viên trong việc quản lý học viên sinh viên.
- Đầu tư CSVC&TTB phục vụ quá trình dạy học.
- Cần có sự theo dõi, ghi chép, đánh giá, cải tiến quy trình.

Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC HỆ ĐẠI HỌC TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Các nguyên tắc để xây dựng biện pháp

Việc xây dựng các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ đại học tại trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc xuất phát từ các nguyên tắc sau:

***Tập trung vào khâu trọng yếu:**

Nhằm giải quyết những mâu thuẫn cơ bản đang tồn tại ở Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc, trong đó quản lý để nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học là vấn đề quan trọng nhất.

*** Khả thi:**

Các biện pháp có tính khả thi phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tiễn, không quá tầm trở nên ý chí luận, có khả năng đạt hiệu quả cao.

*** Đồng bộ:**

Các biện pháp phải đồng bộ, hỗ trợ, tương tác lẫn nhau và bao quát được những mâu thuẫn cơ bản, có chú ý đến trọng tâm.

3.2. Biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Biện pháp 1: Quy hoạch nguồn nhân lực có trình độ Đại học nhằm đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai của tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ mới.

*** Ý nghĩa của biện pháp.**

- Vĩnh Phúc sau những năm tái lập tỉnh, nguồn nhân lực vừa thiếu về số lượng lại chưa đồng bộ về chất lượng. Cơ cấu các ngành nghề đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực phải qua đào tạo và đào tạo có chất lượng.

- Với phương thức KCQ, các cơ sở đào tạo tại địa phương có thể liên kết với nhiều trường Đại học trên cả nước đào tạo những chuyên ngành thực sự phù hợp và cần thiết trong từng giai đoạn phát triển của địa phương.

*** Nội dung của biện pháp:**

- Phối hợp với Ban tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc để nắm được công tác quy hoạch cán bộ và nguồn nhân lực về các mặt. Từ đó tổng hợp nhu cầu và kế hoạch, bồi dưỡng CB - CC Nhà nước giai đoạn từ nay đến 2010 và định hướng đến 2015. Từ căn cứ đó trung tâm xây dựng kế hoạch từ nay đến 2010 và định hướng đến 2015, đề xuất phương án đào tạo, tham mưu với Sở GD-ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc để đào tạo các ngành nghề phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của Tỉnh.

- Điều tra xã hội học trong các khu dân cư đặc trưng như: Thành phố, Huyện Thị, khu Công nghiệp.. với các lứa tuổi khác nhau để xác định cơ cấu nguồn nhân lực, từ đó xác định nhu cầu học tập của nhân dân từng vùng cho thích hợp.

- Cần có hội nghị “Khách hàng” để nắm bắt thông tin về nhu cầu và thu thập thông tin về chất lượng đào tạo, khả năng phát huy tác dụng của các đối tượng đã qua đào tạo tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc.

** Cách thức tiến hành biện pháp:*

- Lập kế hoạch điều tra, khảo sát nhu cầu.

- Xây dựng các mẫu biểu điều tra, khảo sát: Dựa vào mục đích của thông tin để xây dựng bảng hỏi và hình thức khảo sát.

- Xử lý số liệu điều tra.

- Phân tích, đánh giá kết quả điều tra. Định hướng cho việc lập kế hoạch mở các lớp đào tạo liên kết để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển KT-XH của tỉnh trong thời kỳ mới.

- xây dựng quy trình đào tạo và quản lý quá trình dạy học cần tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

** Quy trình dạy học, bao gồm các khâu sau đây:*

- Đầu vào: nguồn nhân lực (giáo viên, học sinh, các nhà quản lý) vật lực (cơ sở vật chất, kỹ thuật,), tài lực (các nguồn thu)

- Quá trình đào tạo: Hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá.

- Đầu ra: Sản phẩm có đủ năng lực đáp ứng thị trường lao động.

** Quản lý quá trình dạy học cần tập trung vào các khâu sau đây:*

- Quản lý về mặt hành chính; Quản lý nội dung, chương trình, kế hoạch giảng dạy; Quản lý Tham mưu cho Sở GD- ĐT, UBND tỉnh để sớm có kế hoạch hàng năm đề nghị Thường trực Tỉnh uỷ có kết luận về đào tạo bồi dưỡng CB-CC và giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho trung tâm.

3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng quy trình đào tạo đặc thù cho hình thức liên kết và quản lý chặt chẽ quá trình dạy học

** Ý nghĩa của biện pháp*

- Quy trình đào tạo đặc thù cho hình thức liên kết làm cơ sở cho công tác quản lý quá trình dạy học.

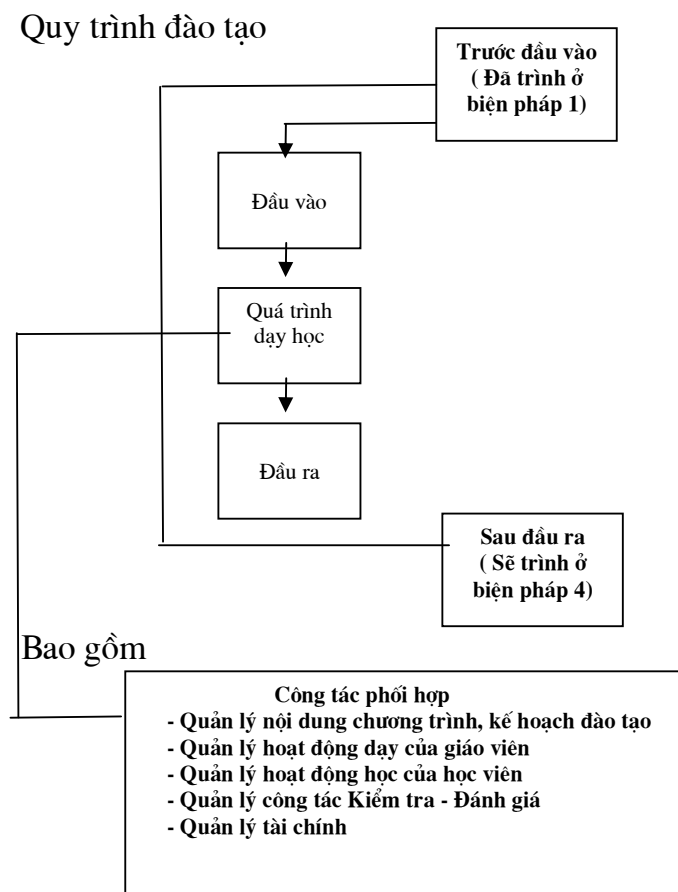
- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bởi đó là yếu tố quyết định đến uy tín và sự tồn tại của trung tâm.

- Đặc trưng của loại hình liên kết và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, giải pháp cho bài toán nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thường xuyên tại các địa phương trong điều kiện có nhiều đơn vị cùng tham gia trên một địa bàn chính là phải xây dựng quy trình đào tạo và quản lý chặt chẽ quá trình dạy học.

** Nội dung của biện pháp.*

- Việc hoạt động dạy học; Quản lý học viên sinh viên; Quản lý công tác Kiểm tra-Đánh giá; Quản lý công tác tài chính.

Sơ đồ 3.1: Quy trình đào tạo và quản lý quá trình dạy học hệ Đại học đào tạo liên kết



* *Cách thức tiến hành.*

- Giải quyết tốt nguồn tuyển sinh đầu vào - học viên (HV).
- Một yếu tố hết sức quan trọng là trong quá trình tuyển sinh là Trung tâm và các trường Đại học không được chạy theo số lượng như các khoá đào tạo trước mà phải có sự sàng lọc trên cơ sở tuyển sinh đúng đối tượng và theo đúng quy chế tuyển sinh, khắc phục được thực trạng tuyển ô ạt những năm trước là yếu tố thúc đẩy chất lượng đào tạo sẽ nâng lên.

- Công tác quản lý quá trình dạy học

Đây là một trong những khâu giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học hệ đại học đào tạo liên kết. Để làm tốt công tác này, trung tâm tiếp tục xây dựng và quản lý phương thức này trên các lĩnh vực.

Thống nhất thoả thuận các điều khoản hợp đồng đào tạo cho từng lớp giữa 2 đối tác: Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc với trường Đại học, trong đó trách nhiệm quản lý giữa 2 bên cần được quy định rõ ràng.

Hoàn thiện việc xây dựng các quy định mới về quản lý lớp học (căn cứ vào quyết định 01/2007/BGD&ĐT ngày 02/01/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX; Căn cứ vào quyết định số 42/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT.v.v “Ban hành quy định liên kết đào tạo trình độ trung cấp, chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học” ; Căn cứ vào quyết định 239/2001/QĐ-UB ngày 07/12/2001 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc

ban hành quy định về quản lý phương thức giáo dục không chính quy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc). Từ các văn bản đó, Trung tâm GDTX hoàn thiện xây dựng hệ thống văn bản quản lý sát với tình hình thực tiễn của địa phương (kèm theo các mẫu báo cáo cập nhật thường xuyên).

- Quản lý quá trình dạy học bao gồm các khâu: Quản lý nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo từng học kỳ, năm học và cả khoá học theo đúng hợp đồng đã ký với các trường Đại học.

- Quản lý hoạt động dạy học, quản lý học viên, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên và chuẩn bị các điều kiện CSVC theo yêu cầu của Trường Đại học.

- Quản lý công tác tài chính đảm bảo đúng theo các văn bản hướng dẫn liên tịch của các cấp.

3.2.3. Biện pháp 3: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại phục vụ quá trình dạy học.

** Ý nghĩa của biện pháp.*

Tăng cường đầu tư. CSVC & TTB cho hoạt động dạy học chính là mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- Đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo cho các lớp đào tạo tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc nói chung và đào tạo liên kết nói riêng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ Đại học.

- Xây dựng môi trường đào tạo đáp ứng với yêu cầu đổi mới của sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ đất nước hội nhập quốc tế và nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin.

** Nội dung của biện pháp*

- Tích cực huy động các nguồn kinh phí để đầu tư hoàn thiện các hạng mục công trình tại Trung tâm thành phố tỉnh lỵ với các hạng mục công trình dự án xây dựng CSVC đã được UBND Tỉnh phê duyệt với tổng số vốn đầu tư 16 tỷ đồng.

- Kiểm tra rà soát tình hình sử dụng CSVC & TTB trong thời gian qua và nhu cầu sử dụng đảm bảo hiệu quả của các bộ phận liên quan để việc tổ chức và quản lý quá trình dạy học.

- Khảo sát nhu cầu sử dụng CSVC & TTB cho các lớp hệ Đại học đào tạo liên kết, đồng thời kiểm kê và đánh giá số lượng và chất lượng về CSVC & TTB hiện có của Trung tâm so với nhu cầu sử dụng và đánh giá hiệu quả sử dụng trong quá trình dạy học.

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa về CSVC & TTB và dự trù mua sắm mới theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

** Cách thức tiến hành*

- Tích cực huy động các nguồn kinh phí, các nguồn lực khác nhau, tăng cường các mối quan hệ trong và ngoài Trung tâm Tỉnh để tăng cường đầu tư các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập: Phòng máy vi tính, máy chiếu, phòng học bộ môn, thực hành thí nghiệm, phương tiện nghe, nhìn.

- Tập huấn cho đội ngũ sử dụng về CSVC & TTB biết được tính năng, tác dụng, quy trình vận hành, bảo quản và sử lý các sự cố về kỹ thuật CSVC & TTB.

- Xây dựng phòng học trực tuyến phục vụ cho việc đào tạo hệ từ xa liên kết với Viện Đại học Mở Hà Nội.

3.2.4. Biện pháp 4: Cải tiến liên tục

**. Ý nghĩa của biện pháp:*

- Thu thập thông tin phản hồi về công tác tổ chức và quản lý quá trình đào tạo hệ Đại học liên kết tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đánh giá, thấy được điểm mạnh, điểm yếu để có hướng phát huy và khắc phục, cải tiến quy trình tổ chức và quản lý quá trình dạy học để công tác này đáp ứng ngày càng tốt hơn.

** Nội dung của biện pháp.*

- Để công tác tổ chức và quản lý quá trình dạy học được tốt hơn, trong những năm tới Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc cần có biện pháp cải tiến các khâu của quy trình đào tạo. Để có cơ sở căn cứ điều chỉnh quy trình đào tạo và quản lý quá trình dạy học hệ Đại học đào tạo liên kết tại trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc. Trung tâm cần tiến hành triển khai tốt các nội dung sau đây:

- Thu thập các thông tin phản hồi từ các khâu trong quá trình tổ chức và quản lý quá trình dạy học hệ Đại học đào tạo liên kết, lắng nghe, tìm hiểu các nguồn thông tin từ phía các trường Đại học liên kết, các cấp các ngành và dư luận xã hội trong Tỉnh, Học viên, Cơ quan sử dụng sản phẩm đào tạo... Thiết lập hệ thống bảng, biểu thống kê hàng năm và trong suốt quá trình đào tạo.

- Đánh giá lại các khâu trong quá trình tổ chức và quản lý hệ Đại học đào tạo liên kết, coi trọng công tác quản lý và chỉ đạo từng khâu, từng nội dung liên quan để chất lượng dạy học, cụ thể.

+ Công tác dự báo nguồn tuyển sinh.

+ Việc quản lý nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy

+ Công tác quản lý học viên, sinh viên

+ Công tác quản lý thi tuyển sinh, thi hết môn, hết học phần, thi tốt nghiệp, cấp phát văn bằng.

+ Công tác xây dựng đội ngũ

+ Việc tổ chức các hình thức học.

- Điều chỉnh lại quy trình tổ chức và quản lý quá trình dạy học sao cho hợp lý trên cơ sở các đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm tổ chức và quản lý quá trình dạy học đạt hiệu quả hơn, Quản lý học viên, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên và chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất theo yêu cầu của trường Đại học.

** Cách thức tiến hành.*

- Tiến hành thu thập các thông tin phản hồi từ các khâu của quá trình dạy học thường xuyên theo dõi, ghi chép các ý kiến đóng góp, dư luận xã hội thu thập được từ các nguồn thông tin (nhật ký hàng ngày) làm cơ sở cho sự cải tiến liên tục.

-Tiến hành đánh giá lại các khâu trong quá trình tổ chức và quản lý hệ Đại học đào tạo liên trong giai đoạn trước. Cụ thể:

+ Công tác dự báo nguồn tuyển sinh: Cần có kế hoạch dài hơi, cần có tầm nhìn xa hơn nữa, cần tranh thủ sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự phối hợp của các trường Đại học. Cần phối hợp với các Trung tâm GDTX cấp Huyện trong việc tạo nguồn tuyển sinh.

+ Việc quản lý nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy đã tương đối đảm bảo song trong thời gian tới cần thu hẹp địa điểm đào tạo từ phía các trung tâm cấp Huyện về Trung tâm GDTX tỉnh để công tác quản lý có sự tập trung, đồng bộ.

+ Công tác quản lý học viên, sinh viên: Cần có biện pháp hữu hiệu để khắc phục tình trạng học viên nghỉ học nhiều.

+ Công tác quản lý thi tuyển sinh, thi hết môn, hết học phần, thi tốt nghiệp cần có sự điều chỉnh theo quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo quyết định số 36/2007/QĐ-Bộ GD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

+ Công tác tổ chức các hình thức học cần có sự đổi mới cho phù hợp với đối tượng vừa làm vừa học.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Mỗi biện pháp đã giải quyết được một vấn đề cụ thể do yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm đặt ra. Các biện pháp này nằm trong một chỉnh thể và chúng có quan hệ mật thiết hữu cơ, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ thống, do đó biện pháp này sẽ là tiền đề, là cơ sở, kết quả cho các biện pháp kia và ngược lại. Các biện pháp đó là giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tại Trung tâm. Các biện pháp được đề xuất có tác động mạnh mẽ đến hoạt động dạy học, tuy nhiên việc vận dụng và khai thác lại tùy thuộc vào điều kiện của mỗi Trung tâm và người quản lý. Cần phải sử dụng đồng bộ cả 4 biện pháp để công tác tổ chức và quản lý hệ Đại học đào tạo liên kết mang lại hiệu quả cao.

3.4. Kiểm chứng sự nhận thức về tính cấp thiết, tính khả thi của các biện pháp

3.4.1. Phương pháp kiểm chứng

Dùng phiếu kiểm chứng cho 5 đối tượng được hỏi ý kiến: Cán bộ quản lý các khoa, giảng viên các Trường Đại học trực tiếp giảng dạy tại Trung tâm; chuyên viên phòng GDTX-GDCN Sở GD&ĐT; CBQL, giáo viên Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc; CBQL các trường học trong Tỉnh, các cơ quan đơn vị có học viên học tại Trung tâm; học viên các khối đào tạo.

Các ý kiến được hỏi cho mỗi đối tượng cụ thể:

Tính cần thiết: Rất cần thiết; cần thiết; không cần thiết.

Tính khả thi: Rất khả thi; Khả thi; Không khả thi.

Biện pháp 1: Quy hoạch nguồn nhân lực có trình độ Đại học, đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn mới.

Biện pháp 2: Xây dựng qui trình đào tạo đặc thù cho hình thức liên kết và quản lý chặt chẽ quá trình dạy học.

Biện pháp 3: Tăng cường đầu tư CSVC & TTB theo hướng ngày càng hiện đại phục vụ quá trình dạy học.

Biện pháp 4: Cải tiến liên tục.

Xử lý: 30 phiếu hỏi ý kiến đối với CBQL các khoa, giảng viên các trường Đại học.

- 6 phiếu hỏi ý kiến đối với chuyên viên phòng GDTX-GDCN Sở GD&ĐT.

- 24 phiếu hỏi ý kiến đối với CBQL, giáo viên Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc.

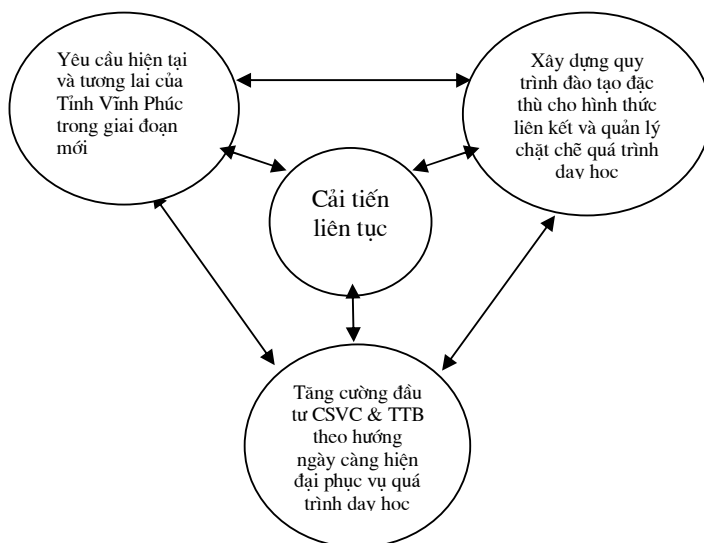
- 20 phiếu hỏi ý kiến đối với CBQL các trường học, cơ quan, đơn vị có học viên học tập tại Trung tâm.

- 40 phiếu hỏi ý kiến đối với học viên các khối đào tạo tại Trung tâm.

Hầu hết các ý kiến đều đánh giá cao các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc trên 2 tiêu chí: Tính cần thiết và tính khả thi. Điều này có nghĩa là các biện pháp đưa ra là cần thiết và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của Trung tâm hiện nay.

Mô hình hoá các biện pháp chủ yếu quản lý quá trình dạy học.

Sơ đồ 3.2. Mối quan hệ giữa các biện pháp



Sơ đồ biểu thị mối quan hệ giữa các biện pháp.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

* Chất lượng đào tạo là vấn đề quan trọng hàng đầu quyết định sự tồn tại của Trung tâm. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý nâng cao chất lượng dạy học đào tạo liên kết là một yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đòi hỏi phải quyết tâm giải quyết cả phương diện lý luận và thực tiễn.

* Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã thực hiện được mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, làm sáng tỏ được cơ sở lý luận, những khái niệm, những quan điểm, phương thức giáo dục và quản lý GD&ĐT trong thời kỳ mới, sự nhận thức có hệ thống và khoa học về quản lý GD&ĐT là điều kiện cần thiết và cấp bách hiện nay; đã tìm hiểu thực trạng dạy học và thực trạng quản lý quá trình dạy học hệ Đại học tại Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đề xuất 4 biện pháp quản lý có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học tại Trung tâm.

Các biện pháp đó là:

- Quy hoạch nguồn nhân lực có trình độ Đại học, đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn mới.

- Xây dựng quy trình đào tạo đặc thù cho hình thức liên kết và quản lý chặt chẽ quá trình dạy học.
- Tăng cường đầu tư CSVC & TTB theo hướng ngày càng hiện đại phục vụ quá trình dạy học.
- Cải tiến liên tục.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý đào tạo KCQ của các Trường Đại học và Trung tâm GDTX cấp Tỉnh theo khu vực.

- Không nên giới hạn đối tượng tuyển sinh:

Trong quy chế tuyển sinh hệ Đại học, Cao đẳng, Vừa làm vừa học, Bộ GD-ĐT có qui định đối tượng dự thi phải có thời gian ít nhất một năm. Điều này trái với tinh thần mở rộng đối tượng vào học hệ KCQ của Luật giáo dục 2005. Mặt khác, qui định này đã làm cho một số cơ quan, xã phường nảy sinh hành động lừa dối cơ quan tuyển sinh, chứng nhận không đúng. Đề nghị cần có sự điều chỉnh để tạo điều kiện tối đa cho mọi người, ở mọi hoàn cảnh, trong mọi thời gian...được tham gia học tập phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình.

- Cần có sự thống nhất về tổ chức và bộ máy hoạt động của các Trung tâm GDTX cấp Tỉnh :

Hiện nay tổ chức và bộ máy hoạt động của cơ sở đào tạo liên kết ở các tỉnh chưa được thống nhất trong phạm vi cả nước. Có nơi trực thuộc UBND Tỉnh, có nơi trực thuộc Sở GD&ĐT, có nơi trực thuộc Sở Nội vụ Tỉnh....Có nơi đặt lớp ở các đoàn thể hoặc Sở, ngành không đủ điều kiện về CSVC cũng như đội ngũ cán bộ quản lý, thậm chí chồng chéo và có sự cạnh tranh không lành mạnh trên cùng một địa bàn dẫn đến chất lượng thấp. Vai trò, vị trí của loại hình này cũng chưa được đề cao mặc dù trong thời gian qua loại hình này đã có những đóng góp đáng kể vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương.

2.2. Đối với UBND tỉnh Vĩnh Phúc

Đề nghị ban hành quy chế mới về phương thức quản lý giáo dục KCQ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện tại quyết định 239/2001/QĐ - UB ngày 7/12/2001, ban hành theo quy chế 43/2000/QĐ - BGD ĐT ngày 25/9/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT thì nay đã được thay thế bằng quyết định 01/2007/QĐ - BGD ĐT ngày 02/01/2007.

2.3. Đối với Trung tâm GDTX tỉnh Vĩnh Phúc

- Cần tổ chức và tạo điều kiện để Cán bộ quản lý được đi tham quan học tập mô hình GDTX ở nước ngoài để có định hướng phát triển cho phù hợp trong giai đoạn mới.

- Trong những năm tới cần tổ chức các cuộc hội thảo “Đổi mới công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng dạy học hệ Đại học” với quy mô lớn có sự tham gia của các Trường Đại học liên kết.

